

LUẬN ÁN TIẾN SĨ XÃ HỘI HỌC

ĐẶNG VŨ CẢNH LINH. *Vai trò của trí thức trẻ trong hoạt động nghiên cứu khoa học hiện nay (Qua nghiên cứu trường hợp Hà Nội)*

Chuyên ngành: Xã hội học

Mã số: 62 31 30 01

Cùng với cách mạng khoa học và công nghệ diễn ra sâu rộng trên phạm vi toàn cầu, đội ngũ trí thức trẻ luôn được nhìn nhận là thế hệ mới, là đầu tàu cho công cuộc xây dựng và phát triển ở mỗi quốc gia. Trí thức trẻ vừa là chủ thể cống hiến, sáng tạo, vừa là nguồn tài nguyên, động lực trí tuệ quan trọng trong phát triển khoa học và công nghệ. Sự đóng góp của trí thức trẻ, đặc biệt trong nghiên cứu khoa học, luôn là tiêu chí đánh giá trình độ phát triển của kinh tế trí thức. Do đó, khai thác và phát huy hiệu quả “nguồn tài nguyên” quý báu này là vấn đề quan trọng và cấp thiết hiện nay.

Đề tài luận án tiến sĩ *Vai trò của trí thức trẻ trong hoạt động nghiên cứu khoa học hiện nay (Qua nghiên cứu trường hợp Hà Nội)* của NCS. Đặng Vũ Cảnh Linh tập trung làm rõ thực trạng vai trò của trí thức trẻ trong hoạt động nghiên cứu khoa học, cơ chế, chính sách tác động và hiệu quả hoạt động thực tiễn của trí thức trẻ trong lao động khoa học.

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo, kết cấu của luận án được chia làm 4 chương.

Chương 1: *Tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài*

Luận án tổng hợp có tính hệ thống các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước

từ cấp độ lý luận đến thực tiễn về trí thức và trí thức trẻ trong quan hệ với khoa học và công nghệ nói chung, hoạt động nghiên cứu khoa học của trí thức trẻ nói riêng, vận dụng các lý thuyết xã hội học và lý thuyết khoa học liên ngành, bước đầu xây dựng khung cơ sở lý luận cho nghiên cứu thực tiễn về hoạt động nghiên cứu khoa học của trí thức trẻ. Luận án chỉ ra rằng, tuy các công trình đã làm rõ nội hàm khái niệm trí thức, trí thức trẻ, gắn đặc trưng nhóm xã hội này với loại hình lao động đặc biệt; có sự phân loại trí thức khá đa dạng, gắn trí thức với thời đại khoa học, công nghệ, với chính sách phát hiện, đào tạo, sử dụng, đãi ngộ, tôn vinh trí thức, nhưng các công trình thường không bao quát các vấn đề cụ thể, ít công trình nghiên cứu chuyên sâu về trí thức trẻ.

Chương 2: *Cơ sở lý luận và thực tiễn trong nghiên cứu về vai trò và hoạt động khoa học trí thức trẻ*

Luận án làm rõ các khái niệm cơ bản sử dụng trong nghiên cứu làm cơ sở cho việc đo lường thực nghiệm, phân tích, đánh giá về vai trò của trí thức trẻ trong hoạt động nghiên cứu khoa học tại các cơ quan, tổ chức trên địa bàn nghiên cứu. Theo đó, *trí thức* là người lao động trí óc, trực tiếp hoặc gián tiếp sử dụng tri thức như một loại hình của tư liệu lao động, sáng tạo, truyền bá tri thức với tư cách là sản phẩm lao động, có thể được xác định bằng lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp, chuyên môn cụ thể, là nhóm người có trình độ học vấn và hiểu biết cao; *trí thức trẻ* là nhóm trí thức có độ tuổi từ 21-40 tuổi, với giới hạn độ tuổi bắt đầu từ sinh viên tốt nghiệp đại học, bắt đầu có cơ

hội xin việc làm và điểm kết thúc là độ tuổi trưởng thành về lao động trí thức; *vai trò trí thức trẻ trong nghiên cứu khoa học* được xác định là chuỗi các nghề nghiệp, chuyên môn, nghiệp vụ được thực hiện trong quá trình học tập, nghiên cứu, lao động, sáng tạo, thực hiện các dịch vụ khoa học và công nghệ, xử lý các mối quan hệ trong sự tác động của cơ chế, chính sách tại cơ quan, tổ chức mà trí thức trẻ đang công tác. Vai trò của họ được đánh giá bằng các chuẩn mực khoa học, sản phẩm khoa học và ý nghĩa xã hội do họ tạo ra.

Chương 3: Vai trò của trí thức trẻ trong thực tiễn hoạt động nghiên cứu khoa học tại các cơ quan, tổ chức khoa học công nghệ trên địa bàn Hà Nội hiện nay

Theo số liệu từ mẫu điều tra 608 trí thức trẻ hoạt động khoa học và công nghệ, đa số trí thức trẻ có ý thức và định hướng lựa chọn khá rõ ràng trong công việc, nghề nghiệp khoa học. Vai trò trí thức trẻ thể hiện qua phân bố cơ cấu nghề nghiệp, lĩnh vực chuyên môn khá phong phú, đặc biệt không chỉ tập trung trong khu vực công lập (42,3%) mà phần đông tự nguyện chọn làm việc tại mô hình ngoài công lập (57,7%). Sự dịch chuyển hoạt động khoa học từ khu vực công lập sang ngoài công lập là phù hợp với xu thế gắn nghiên cứu với thực hành và ứng dụng trong phát triển xã hội.

Quan niệm thể hiện vai trò trí thức trẻ trong lao động khoa học là khá phong phú, cụ thể là các vai trò trong học tập, nâng cao trình độ, nhu cầu, mức độ, năng lực tham gia nghiên cứu khoa học, tính chủ động, sáng tạo trong nghiên cứu, các mối quan hệ, ứng xử trong môi trường nghiên cứu.

Trí thức trẻ ngày nay là nhóm được đào tạo bài bản thể hiện rõ qua các tiêu chí bằng cấp, chứng chỉ chuyên môn, nghiệp vụ. Có

trên 50% trí thức trẻ có ít nhất một chứng chỉ đã qua khóa đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ. Theo kết quả điều tra, học tập vẫn là một trong những vấn đề quan tâm chính của trí thức trẻ làm công tác khoa học. Đa số trí thức trẻ có thái độ và động cơ học tập tích cực (74,6% học để lấy kiến thức, 72,1% học để đóng góp, cống hiến cho xã hội); 58,1% sử dụng thời gian rảnh vào công việc học thêm để nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ.

Bên cạnh đó, nhu cầu và mong muốn nghiên cứu khoa học của trí thức trẻ hiện nay là khá cao, chiếm 87,3%. Tuy nhiên, thực tế tỷ lệ tham gia đề tài nghiên cứu lại chưa cao như mong đợi (mức độ tham gia thường xuyên là 32,5%, có tham gia nhưng không thường xuyên là 36,0%, không tham gia là 31,5%). Hoạt động thực hiện các đề tài, dự án của trí thức trẻ không chỉ phụ thuộc vào nhu cầu, mong muốn của bản thân mà còn phụ thuộc trực tiếp tôn chỉ, mục đích, loại hình tổ chức mà họ đang làm việc.

Đa số trí thức trẻ đã từng tham gia nghiên cứu khoa học ở các cấp độ, lĩnh vực khác nhau và luôn có nhu cầu được tham gia nghiên cứu khoa học. Mặc dù không có nhiều trí thức trẻ là chủ nhiệm đề tài, dự án, tuy nhiên sự đóng góp của trí thức trẻ trong các hoạt động chuyên môn lại được khẳng định qua hầu hết các quy trình, công đoạn thực hiện đề tài, dự án (2,5% trí thức trẻ từng ở vị trí chủ nhiệm, phó chủ nhiệm và 2,8% là thư ký khoa học trong các đề tài, dự án; hoạt động sưu tầm, sắp xếp, hệ thống thông tin tư liệu, phục vụ nghiên cứu chiếm 88,8%; điều tra viên, nghiên cứu điền dã, thực địa là 82,5%; tham gia vào các đề tài cơ sở là 67,5%; đảm nhiệm viết chuyên đề khoa học là 46,8%; giúp việc cho ban chủ nhiệm là 34,3%).

Mức độ tham gia của trí thức trẻ trong các dự án không đồng đều về tính chất và loại hình đề tài dự án. Trí thức trẻ ở các tổ chức khoa học xã hội và nhân văn thường tham gia các công trình nghiên cứu cơ bản, trong khi trí thức trẻ ở các cơ quan khoa học tự nhiên và công nghệ lại thường thực hiện nghiên cứu ứng dụng, sản xuất, thử nghiệm.

Về năng lực, trình độ trong nghiên cứu khoa học hiện nay của trí thức trẻ, theo kết quả phân tích 50 CV, trí thức trẻ ít công bố, ứng dụng sản phẩm khoa học. Chỉ có 7/50 trí thức trẻ tham gia viết sách và được xuất bản, 15 trí thức trẻ có bài đăng trên các tạp chí khoa học. Luận án chỉ ra điểm mạnh trong khoa học của trí thức trẻ là sự đảm nhiệm nhiều vai trò trong nghiên cứu, thể hiện sự năng động và thực tế, tư duy khoa học liên ngành và ứng dụng; điểm yếu của họ là sự không đồng đều về năng lực chuyên môn, nghề nghiệp. Nhiều trí thức trẻ còn nặng về tư duy sách vở, hàn lâm, lý thuyết, thiếu thực hành,...

Tỷ lệ trí thức trẻ chủ động đề xuất ý kiến với lãnh đạo trong các hoạt động nghiên cứu khoa học khá cao. Tuy có tới 66,6% trí thức trẻ nhận xét thể hệ họ yếu hơn thế hệ trước ở sự nghiêm túc, bài bản trong nghiên cứu khoa học nhưng có khả năng vận dụng các phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu mới (76,5%), khả năng tiếp cận thông tin (68%), sự năng động, sáng tạo trong nghiên cứu và xử lý tình huống (68,4%). Về các mối quan hệ trong nghiên cứu khoa học, trí thức trẻ được nhận công việc nghiên cứu bình đẳng với các thành viên ở độ tuổi khác (68,2%), được lãnh đạo hướng dẫn, chỉ bảo (43,6%), được phân công đúng chuyên môn đào tạo (39,5%),... và họ cũng giành được niềm tin của lãnh đạo, tín nhiệm của đồng nghiệp.

Sự biến đổi của nền kinh tế thị trường, quá trình hội nhập quốc tế, cách mạng khoa

học và công nghệ, xu hướng phát triển kinh tế tri thức toàn cầu đã và đang tác động đến trí thức trẻ, cùng với sự xuất hiện của hàng loạt giá trị mới trong lao động khoa học (sự giải phóng năng lực tư duy, sức sáng tạo của cá nhân,...). Những điều này đặt trí thức trẻ trong cơ hội và thách thức mới.

Chương 4: Chính sách và cơ chế quản lý tại cơ quan, tổ chức tác động đến hoạt động nghiên cứu khoa học của trí thức trẻ trên địa bàn Hà Nội

Trong thời gian qua, nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, của Hà Nội hướng tới hoạt động khoa học của trí thức trẻ ngày càng được quan tâm, chú ý. Mặc dù vậy, quá trình thực thi chính sách đối với trí thức trẻ còn gặp nhiều khó khăn, bất cập, phụ thuộc vào điều kiện, cơ chế quản lý của các cơ quan, tổ chức khoa học công nghệ nơi trí thức trẻ đang làm việc. Hiện tượng mất cân đối về nhân lực, số lượng, chất lượng, nội dung, tính chất các sản phẩm khoa học của trí thức trẻ vẫn có nhiều khác biệt giữa các mô hình tổ chức khoa học công nghệ thuộc khu vực nhà nước và khu vực các tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp khoa học công nghệ. Hiện tượng chảy máu chất xám, sử dụng lao động trí thức trẻ chưa tương xứng với vị thế, vai trò, bằng cấp, chuyên môn đào tạo của họ vẫn còn tồn tại.

Từ những phân tích trên, Luận án đề xuất các giải pháp, khuyến nghị góp phần nâng cao và phát huy vị thế, vai trò của trí thức trẻ trong hoạt động khoa học, phục vụ mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Luận án được bảo vệ thành công tại Hội đồng chấm luận án cấp học viện, họp tại Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam năm 2017.

TV.

giới thiệu